TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 164/2024/QĐST-HNGĐ	*TP Thái Nguyên, ngày 23 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 183/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: **Anh Nông Đức A, sinh năm 1994**

HKTT: Thôn ND, xã VL, huyện NR, tỉnh BK.

TT: Tổ 8, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: **Chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1998**

HKTT: Xóm CS, xã SC, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 483 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nông Đức A và chị Đỗ Thị Thu H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Đức A và chị Đỗ Thị Thu H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nông Đức A và chị Đỗ Thị Thu H xác định hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Nông Phương N, sinh ngày 06/6/2022. Khi ly hôn anh Anh, chị H thống nhất thỏa thuận giao chị H được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Nông Phương N, sinh ngày 06/6/2022 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh Nông Đức A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị ai cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nông Đức A và chị Đỗ Thị Thu H thống nhất thỏa thuận anh Anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H với mức là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/ tháng, tính từ tháng 4/2024 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nông Đức A tự nguyện chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh A đã nộp theo biên lai thu số 0002689 ngày 03/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Đương sự;
- UBND xã SC;
- UBND xã VL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thúy Quỳnh